

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 07 /2022/DSST

Ngày 13- 01 -2021

V/v hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Từ Thanh Nhung

Các hội thẩm Nhân Dân:

Ông: Nguyễn Việt Thắng.

Ông: Huỳnh Văn Năm.

Thư ký phiên Toà : Bà Dương Thị Thêu - Thư ký toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời: Bà Phạm Huỳnh Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 10 và 13 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 239/2021 ngày 02/06/2021, về việc “ hợp đồng góp hụi”, theo Quyết định đưa ra xét xử số 236/2021, ngày 02.12.2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Ông Hồ Văn C – sinh năm 1979

Bà Phạm Thị L – sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: Ấp 12B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn : Ông Lương Trung T– sinh năm 1974

Bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Ấp 2B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiệnn ngày 26.4.2021 và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện như sau:

Từ năm 2017 đến năm 2018 tôi làm chủ hụi vợ chồng ông T và bà N có tham gia chơi hụi của tôi các lần như sau:

Dây hội thứ 1: Khai hội vào ngày 16.07.2017, loại hội 10.000.000 đồng, dây hội có 13 chung, bà N và ông T tham gia chơi 1 chung, 6 tháng khai 1 lần, bà N và ông T đã hốt vào lần khai thứ 5, tôi chung với số tiền là 82.200.000 đồng, sau đó bà N và ông T không đóng hội chết cho tôi, còn thiếu lại 8 lần, số tiền là 80.000.000 đồng. (dây hội này còn 4 lần mới mãn).

Dây hội thứ 2: Khai hội vào ngày 10.08.2017, loại hội 5.000.000 đồng, dây hội có 17 chung, bà N và ông T tham gia chơi 1 chung, 3 tháng khai 1 lần. Sau khi khai được 1 lần thì ông T và bà N có nhận lại phần hội cả bà Nguyễn Ngọc Hạnh và Nguyễn Như Huỳnh 1 chung (có làm giấy). Như vậy trong dây hội này ông T và bà N tham gia 2 chung, bà N và ông T đã hốt vào lần khai thứ 6, tôi chung với số tiền là 52.000.000 đồng, hốt chung thứ 2 vào lần thứ 7, tôi chung số tiền là 51.500.000 đồng, sau đó bà N và ông T có đóng hội chết cho tôi được 1 lần, số tiền còn thiếu lại 9 lần số là 90.000.000 đồng. (hội đã mãn)

Dây hội thứ 3: Khai hội vào ngày 29.01.2018, loại hội 1.000.000 đồng, dây hội có 25 chung, bà N và ông T tham gia chơi 2 chung, mỗi tháng khai 1 lần, bà N và ông T đã hốt 1 chung vào lần khai thứ 3, tôi chung với số tiền là 17.340.000 đồng, chung thứ 2 ông T và bà N đã hốt vào lần khai thứ 9, tôi chung với số tiền là 18.020.000 đồng, sau đó bà N và ông T có đóng hội chết cho tôi được 9 lần, còn thiếu lại 7 lần, số tiền còn thiếu lại là 14.000.000 đồng. (hội đã mãn)

Dây hội thứ 4: khai hội vào ngày 20.09.2017, loại hội 1.000.000 đồng, dây hội có 32 chung, bà N và ông T tham gia chơi 1 chung, mỗi tháng khai 1 lần, bà N và ông T đã hốt vào lần khai thứ 8, tôi chung với số tiền là 24.500.000 đồng, sau đó bà N và ông T có đóng hội chết cho tôi được 17 lần, còn thiếu lại 9 lần, số tiền còn thiếu lại là 9.000.000 đồng. (hội đã mãn).

Dây hội thứ 5: Khai hội vào ngày 10.06.2018, loại hội 1.000.000 đồng, dây hội có 25 chung, bà N và ông T tham gia chơi 1 chung, mỗi tháng khai 1 lần, bà N và ông T đã hốt vào lần khai thứ 2, tôi chung với số tiền là 16.520.000 đồng, sau đó bà N và ông T có đóng hội chết cho tôi được 12 lần, còn thiếu lại 11 lần, số tiền còn thiếu lại là 11.000.000 đồng. (hội đã mãn)

Dây hội thứ 6: Khai hội vào ngày 07.04.2018, loại hội 2.000.000 đồng, dây hội có 20 chung, bà N và ông T tham gia chơi 1 chung, mỗi tháng khai 1 lần, bà N và ông T đã hốt vào lần khai thứ 2, tôi chung với số tiền là 26.200.000 đồng, sau đó bà N và ông T có đóng hội chết cho tôi được 14 lần, còn thiếu lại 4 lần, số tiền còn thiếu là 8.000.000 đồng. (hội đã mãn)

Dây hội thứ 7: Khai hội vào ngày 16.02.2018, loại hội 2.000.000 đồng, dây hội có 25 chung, bà N và ông T tham gia chơi 1 chung, mỗi tháng khai 1 lần, bà N và ông T đã hốt vào lần khai thứ 12, tôi chung với số tiền là 39.980.000 đồng, sau đó bà N và ông T có đóng hội chết cho tôi được 6 lần, còn thiếu hội chết 7 lần, số tiền là 14.000.000 đồng.(hội đã mãn)

Dây hội thứ 8: Khai hội vào ngày 15.06.2018, loại hội 500.000 đồng, dây hội có 30 chung, bà N và ông T tham gia chơi 1 chung, mỗi tháng khai 2 lần, bà

N và ông T đã hốt vào lần khai thứ 2, tôi chung với số tiền là 9.490.000 đồng, sau đó bà N và ông T có đóng hui chết cho tôi được 24 lần, còn thiếu lại 4 lần, số tiền là 2.000.000 đồng. (đã mãn hui)

Tổng số tiền ông T và bà N thiếu là 228.000.000 đồng. Nay yêu cầu ông T và bà N trả cho tôi số tiền là 228.000.000 đồng. Các lần giao hui có biên nhận và có danh sách hui có chữ ký của bà N và ông T.

Bị đơn Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải và để xét xử nhưng dẫn vắng mặt, nên chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát huyện Trần Văn Thời phát biểu, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo trình tự quy định của pháp luật Tố tụng dân sự và nguyên đơn chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật (chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án).

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Hồ Văn cảnh, buộc bị đơn ông Lương Trung T và bà Nguyễn Thị N phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền hui là 228.000.000 đồng là có căn cứ. Do quá trình chơi hui có danh sách hui viên và có chữ ký của ông T, bà N và những lần hốt hui ông T và bà N cũng có ký nhận tiền hui. Hơn nữa những người tham gia chơi hui chung cũng xác định ông T và bà N có tham gia khai hui. Tại biên bản làm việc với những người tham gia hòa giải tại ấp 2B xã Khánh Bình Đông vào ngày 19/10/2019 cũng xác định tại cuộc hòa giải có mặt ông T, bà N và ông T, bà N thừa nhận có nợ tiền hui ông C. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết có tổng đạt Thông báo thụ lý và hòa giải cho ông Lương Văn Xuyên (cha ruột ông T) nhận thay. Như vậy ông T và bà N biết việc ông C khởi kiện nhưng không có ý kiến gì về việc này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thẩm quyền Tòa án* : Nguyên đơn và bị đơn điều cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc Hợp đồng góp hui, nên Tòa án Nhân dân huyện Trần Văn Thời, thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều Điều 26 và 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] *Về quyền khởi kiện*: Nguyên đơn cho rằng quyền và lợi ích của nguyên đơn bị, bị đơn xâm hại nên khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là phù hợp với quy định tại điều 186 BLTTDS.

[3] *Xét về trình tự thủ tục*: Đối với bị đơn tòa án đã triệu tập hợp lệ 2 lần để xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không rõ lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[4]. *Xét về điều luật áp dụng*: việc giao dịch này sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên áp dụng Bộ luật hiện hành để giải quyết và các văn bản quy phạm pháp luật chi tiết để giải quyết là phù hợp với điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[5] *Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn cho rằng bị đơn tham gia góp hụi hiện nay còn thiếu số tiền là 228.000.000 đồng, chưa trả nên khởi kiện yêu cầu đòi lại số tiền trên, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “hợp đồng góp hụi” theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phưởng.

[6] *Về nội dung khởi kiện*: Từ năm 2017 đến năm 2018 nguyên đơn làm chủ hụi bị đơn ông T và bà N có tham gia chơi tổng số 8 dây hụi có 10 chung, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1: Khai hụi vào ngày 16.07.2017, loại hụi 10.000.000 đồng, dây hụi có 13 chung, bà N, ông T tham gia 01 chung, đã hốt hụi xong, sau đó bà N và ông T không đóng hụi chết, số tiền còn thiếu lại tôi số tiền là 80.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 2: Khai hụi vào ngày 10.08.2017, loại hụi 5.000.000 đồng, dây hụi có 17 chung, bà N và ông T tham gia chơi 1 chung và có nhận lại 1 chung hụi của bà Nguyễn Ngọc Hạnh và Nguyễn Như Huỳnh (có làm giấy). Như vậy trong dây hụi này ông T và bà N tham gia 2 chung và đã hốt hết 2 chung hụi này, số tiền còn thiếu lại 9 lần số là 90.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 3: Khai hụi vào ngày 29.01.2018, loại hụi 1.000.000 đồng, dây hụi có 25 chung, bà N và ông T tham gia chơi 2 chung và đã hốt hết 2 chung, bà N và ông T còn thiếu lại 7 lần, số tiền còn thiếu lại là 14.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 4: Khai hụi vào ngày 20.09.2017, loại hụi 1.000.000 đồng, dây hụi có 32 chung, bà N và ông T tham gia chơi 1 chung, ông T, bà N đã hốt hụi, đóng hụi chết còn thiếu lại 9 lần, số tiền là 9.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 5: Khai hụi vào ngày 10.06.2018, loại hụi 1.000.000 đồng, dây hụi có 25 chung, bà N và ông T tham gia chơi 1 chung và đã hốt hụi xong, đóng hụi chết còn thiếu lại 11 lần, số tiền còn thiếu lại là 11.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 6: Khai hụi vào ngày 07.04.2018, loại hụi 2.000.000 đồng, dây hụi có 20 chung, bà N và ông T tham gia chơi 1 chung, bà N, ông T đã hốt hụi, có đóng hụi chết, còn thiếu lại 4 lần, số tiền còn thiếu lại là 8.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 7: Khai hụi vào ngày 16.02.2018, loại hụi 2.000.000 đồng, dây hụi có 25 chung, bà N và ông T tham gia chơi 1 chung, bà N và ông T đã hốt hụi, sau đó có đóng hụi chết, còn thiếu lại 7 lần, số tiền còn thiếu lại là 14.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 8: Khai hụi vào ngày 15.06.2018, loại hụi 500.000 đồng, dây hụi có 30 chung, bà N và ông T tham gia chơi 1 chung, mỗi tháng khai 2 lần, bà N và ông T đã hốt hụi xong và có đóng hụi chết, còn thiếu lại 4 lần, số tiền còn thiếu lại là 2.000.000 đồng.

Tổng số tiền ông T và bà N thiếu nguyên đơn là 228.000.000 đồng. Nay nguyên đơn yêu cầu ông T và bà N trả số tiền là 228.000.000 đồng. Các lần giao hụi có biên nhận và có danh sách hụi có chữ ký của bà N và ông T. Các dây hụi hiện nay đã mãn hết chỉ còn dây hụi 10.000.000 đồng, còn 4 lần nữa là mãn hết.

Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn điều vắng mặt không rõ lý do, nên chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Tuy nhiên theo lời trình bày của những người tham gia chơi hội chung (BL 67-69) xác định những lần khai hội thì vợ chồng ông T và bà N có tham gia khai hội. tại biên bản làm việc ông Trần Thúc Trinh cũng xác định chữ ký trong danh sách hội và hợp đồng góp hội là chữ ký của ông T. Hơn nữa tại biên bản hòa giải ở ấp 2B xã Khánh Bình Đông, ngày 19.10.2019 và biên bản làm việc với những người tham gia hòa giải điều xác định tại cuộc hòa giải có mặt ông T và bà N, ông T và bà N cũng thừa nhận có nợ tiền hội mùa và hội tháng ông C và đồng ý trả mỗi tháng là 4.000.000 đồng. Như vậy có đủ cơ sở xác định ông T và bà N còn nợ tiền hội nguyên đơn tổng số 10 chung hội (có 8 đây) với số tiền là 228.000.000 đồng (tính đến mãi hội). Do đó cần buộc bị đơn ông Lương Trung T và bà Nguyễn Thị N phải trả cho ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị L số tiền là 228.000.000 đồng. là phù hợp với Điều 471 BLDS và Điều 17, Điều 18, Điều 24 Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

[7] *Về án phí sơ thẩm:* Do nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn có dự nộp án phí trước được hoàn lại toàn bộ. Bị đơn bà N và ông T phải nộp 5% trên tổng giá trị phải trả cho nguyên đơn là phù hợp với Điều 147 BLTTDS và Điều 12, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều: Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 186, Điều 227, điểm c khoản 1 Điều 688, BLTTDS, áp dụng Điều 471 và Điều 468 Bộ luật dân sự. và Điều 17, Điều 18, Điều 24 Nghị Định 19/2019 ngày 19.02.2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường. Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án , tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí và quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị L .

Buộc bị đơn ông Lương Trung T và bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Hồ Văn C và bà Phạm Thị L số tiền là 228.000.000 đồng (hai trăm hai mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chậm trả số tiền nói trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Án phí sơ thẩm dân sự giá ngạch bà N và T và phải nộp là 11.400.000 đồng. Nguyên đơn ông C và bà L đã dự nộp án phí trước là 5.700.000 đồng,

được hoàn lại án phí đã dự nộp trước là 5.700.000 đồng theo biên lai thu số 0005011 ngày 02/06/2021.

Nguyên đơn có quyền kháng án trong hạn luật định 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn có quyền kháng cáo vắng mặt 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Từ Thanh Nhung